

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tất Trọng;

2. Bà Phạm Thị Thuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị C, sinh năm 1992; nơi đăng ký HKTT: Thôn Tr, xã D, huyện Gi, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Khu..., thị trấn Gi, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Vũ Mạnh T, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Tr, xã D, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

3. Người làm chứng

- Bà Trịnh Thị Tuyết Lá, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Tr, xã D, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị C trình bày: Chị và anh Vũ Mạnh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Th (nay là H) tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào

ngày 01/12/2012. Sau khi kết hôn, hai người sống cùng gia đình anh T tại xã Th (nay là H), huyện Ninh Giang; cuộc sống chung giữa hai người chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính nết, quan điểm sống giữa hai người không hợp nhau, cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Cuối năm 2022 chị ra ngoài thuê nhà trọ tại khu .., thị trấn Gi sống, hai người ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 02 con là Vũ Khải A, sinh ngày 13/10/2013 và Vũ Gia Ch, sinh ngày 11/7/2015, hiện anh T đang nuôi dưỡng. Ly hôn, do điều kiện khó khăn nên chị đề nghị Toà án giao cả 02 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ cấp dưỡng cho con hàng tháng, mức cấp dưỡng là 1000.000đ (một triệu đồng)/con/tháng, 02 con là 2000.000đ (hai triệu đồng)/tháng.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn - anh Vũ Mạnh T: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do.

Tại lời khai của bà Trịnh Thị Tuyết L là mẹ đẻ của anh T trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung giữa anh T và chị C đúng như chị C trình bày, còn nguyên nhân mâu thuẫn bà cho rằng do anh T đi làm ăn xa, khoảng 2 đến 3 tháng mới về thăm nhà, chị C ở nhà đi làm công nhân có dấu hiệu quan hệ bất chính với người đàn ông khác, thường xuyên đi sớm, về khuya, không quan tâm đến gia đình, phó mặc 02 con cho bà chăm sóc, khi bà khuyên bảo thì chị lại có thái độ hỗn láo. Bà xác định mâu thuẫn giữa chị C và anh T đã trầm trọng, bà đề nghị Toà án giải quyết cho chị C, anh T ly hôn và giao cả 02 con cho anh T nuôi dưỡng, bà sẽ hỗ trợ anh T về chỗ ở và trông nom, chăm sóc các con.

Toàn bộ các giấy tờ, thông báo, triệu tập của Toà án bà đều giao và thông báo cho anh T biết, nhưng do công việc bận nên anh T không sắp xếp thời gian đến Toà án làm việc được. Quan điểm của anh T là nhất trí ly hôn với chị C và đề nghị Toà án giao cả 02 con cho anh nuôi dưỡng.

Tại biên bản xác minh, chính quyền địa phương xã D cung cấp: Địa phương xã D xác định hôn nhân giữa chị C và anh T là hợp pháp, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hiện hai người sống ly thân, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị C theo quy định của pháp luật và căn cứ vào điều kiện thực tế của hai người để giao con cho các bên nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại phiên Tòa: Chị C, anh T đều vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T; đề nghị Tòa án giao cả 02 con cho anh T nuôi dưỡng, chị sẽ cấp dưỡng cho con hàng tháng, mức cấp dưỡng là 1000.000đ/con/tháng, 02 con là 2000.000đ/tháng. Ngoài ra, chị không có yêu cầu, đề nghị nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị C đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; Điều 147, các điều 227, 228, 232, 238, 262 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Võ Thị C ly hôn anh Vũ Mạnh T; giao cả 02 con là Vũ Khải A, sinh ngày 13/10/2013 và Vũ Gia Ch, sinh ngày 11/7/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị C cấp dưỡng cho con hàng tháng, mức cấp dưỡng là 1000.000đ/con/tháng, 02 con là 2000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên; chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; chị C đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; chị C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Chị Võ Thị C và anh Vũ Mạnh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Th (nay là xã D), huyện Ninh Giang nơi sinh sống của anh T tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị C và anh T là hợp pháp.

[3] Cuối năm 2022, do vợ chồng mâu thuẫn, chị C bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng, hai người sống ly thân, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau từ đó cho đến nay. HĐXX thấy rằng, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;

cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Như vậy, việc anh chị không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị C ly hôn anh T.

[4] Về quan hệ chung: Anh chị có 02 con là Vũ Khải A, sinh ngày 13/10/2013 và Vũ Gia Ch, sinh ngày 11/7/2015, hiện đang ở cùng anh. Ly hôn, do điều kiện khó khăn nên chị đề nghị Toà án giao cả 02 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng cho con hàng tháng với số tiền là 1000.000đ/con/tháng, 02 con là 02 triệu đồng/tháng cho đến khi con thành niên; HĐXX thấy rằng, hiện các con đang ở với anh T, nguyện vọng của các con đều muốn được ở với bố sau khi anh chị ly hôn, anh T được gia đình hỗ trợ về chỗ ở và trông nom, chăm sóc con nên anh có đủ điều kiện để nuôi con, nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX giao các con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị C về việc cấp dưỡng cho con hàng tháng.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết, nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Võ Thị C khởi kiện xin ly hôn và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về...án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Võ Thị C ly hôn anh Vũ Mạnh T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Vũ Mạnh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con là Vũ Khải A, sinh ngày 13/10/2013 và Vũ Gia Ch, sinh ngày 11/7/2015 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chị Võ Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con hàng tháng, mức cấp dưỡng là 1000.000đ (một triệu đồng)/con/tháng, 02 con là 2000.000đ (hai triệu đồng)/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Võ Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (trả tiền), anh T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị C chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (trả tiền) thì chị C phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Võ Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ, được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000362 ngày 16 tháng 5 năm 2023, chị Võ Thị C còn phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND D, H.Ninh Giang;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Quốc Quân